

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THU HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: **K605-006** ngày **23** tháng **05** năm 2023)

Tài khoản dự toán: ☐

Tài khoản tiền gửi: ☒

Mẫu số 09

Mã hiệu:

Số:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN**

2. Mã đơn vị: **1064778**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại: ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á: **002342940002** tại **Ngân hàng Đông Á - CN Tân Bình, PGD Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền quản lý dạy học 2 buổi	Tiền quản lý dạy CLB Văn Thể Mỹ	Tiền quản lý dạy Tin học tự chọn	Tiền quản lý dạy Kỹ năng sống	Tiền hỗ trợ, giảng dạy học 2 buổi	Tiền phục vụ bản trú	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Compas	Tiền hỗ trợ, giảng dạy CLB Văn Thể Mỹ	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Tin học tự chọn	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Kỹ năng sống	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(9.1)	(9.2)	(9.3)	(9.4)	(9.5)	(9.6)	(9.7)	(9.8)	(9.9)	(9.10)	(12)
Tổng số				110.778.800	7.100.000	2.900.000	5.400.000	900.000	17.160.000	51.588.800	3.200.000	10.060.000	12.070.000	400.000	
I.	Đối với công chức, viên chức			57.940.000	7.100.000	2.900.000	5.400.000	900.000	14.700.000	8.000.000	2.700.000	9.020.000	6.820.000	400.000	
1	PHẠM HUY TUÂN	0102573940	Ngân hàng Đông Á	6.500.000	3.100.000	1.400.000	1.600.000	400.000	-	-	-	-	-	-	
2	PHẠM THỊ NGỌC SƯƠNG	0102600809	Ngân hàng Đông Á	5.900.000	3.000.000	1.300.000	1.300.000	300.000	-	-	-	-	-	-	
3	TRƯƠNG NGỌC TRÂM	0107642270	Ngân hàng Đông Á	3.900.000	1.000.000	200.000	2.500.000	200.000	-	-	-	-	-	-	
4	VŨ QUANG THÔNG	0102568530	Ngân hàng Đông Á	2.480.000	-	-	-	-	1.980.000	500.000	-	-	-	-	
5	ĐINH THỊ THU DUNG	0102568312	Ngân hàng Đông Á	2.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000	300.000	700.000	-	-	
6	TRẦN CÔNG DANH	0102568338	Ngân hàng Đông Á	1.595.000	-	-	-	-	1.595.000	-	-	-	-	-	
7	TRINH VIỆT LỤC	0102404642	Ngân hàng Đông Á	2.090.000	-	-	-	-	2.090.000	-	-	-	-	-	
8	PHẠM TRẦN TUÂN	0102568284	Ngân hàng Đông Á	2.755.000	-	-	-	-	2.255.000	500.000	-	-	-	-	
9	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	0102404672	Ngân hàng Đông Á	2.200.000	-	-	-	-	200.000	1.000.000	300.000	700.000	-	-	
10	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	0102568294	Ngân hàng Đông Á	1.500.000	-	-	-	-	-	500.000	300.000	700.000	-	-	
11	LÂM TÍCH VIÊN	0102404661	Ngân hàng Đông Á	2.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000	300.000	700.000	-	-	
12	NGUYỄN THỊ NỮ HOÀNG	0102568296	Ngân hàng Đông Á	1.700.000	-	-	-	-	200.000	500.000	300.000	700.000	-	-	
13	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	0102404666	Ngân hàng Đông Á	1.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000	700.000	-	-	
14	NGUYỄN THỤY VI	0101981154	Ngân hàng Đông Á	1.500.000	-	-	-	-	-	500.000	300.000	700.000	-	-	
15	TRẦN TUYẾT HOA	0102568287	Ngân hàng Đông Á	2.815.000	-	-	-	-	1.815.000	1.000.000	-	-	-	-	
16	PHẠM HOÀNG MINH HIẾN	0102973858	Ngân hàng Đông Á	2.865.000	-	-	-	-	2.365.000	500.000	-	-	-	-	
17	NGUYỄN NGỌC KHOÁT	0102942852	Ngân hàng Đông Á	5.320.000	-	-	-	-	1.000.000	-	-	-	4.320.000	-	
18	TRẦN HỮU HOÀNG	0102404669	Ngân hàng Đông Á	1.200.000	-	-	-	-	200.000	-	300.000	700.000	-	-	
19	THỐI THỊ CẨM HUYỀN	0109809770	Ngân hàng Đông Á	2.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000	300.000	700.000	-	-	
20	PHAN THỊ VĂN THẢO	0111240544	Ngân hàng Đông Á	840.000	-	-	-	-	-	-	-	840.000	-	-	
21	HÀ BÍCH HỒNG	0107887443	Ngân hàng Đông Á	4.940.000	-	-	-	-	1.000.000	-	-	1.040.000	2.500.000	400.000	
22	NGUYỄN NHẬT HOÀNG BÍCH	0111482024	Ngân hàng Đông Á	840.000	-	-	-	-	-	-	-	840.000	-	-	
II.	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III.	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			52.838.800	-	-	-	-	2.460.000	43.588.800	500.000	1.040.000	5.250.000	-	
1	NGUYỄN THỊ HUYỆ	0111482161	Ngân hàng Đông Á	6.028.600	-	-	-	-	1.500.000	508.600	-	1.040.000	2.980.000	-	
2	PHẠM THÀNH ĐẠT	0101999132	Ngân hàng Đông Á	5.558.600	-	-	-	-	400.000	4.188.600	500.000	-	470.000	-	
3	VŨ CÔNG THỨC	0111178751	Ngân hàng Đông Á	6.000.000	-	-	-	-	320.000	4.680.000	-	-	1.000.000	-	
4	NGUYỄN THỊ THANH DUYỀN	0109368523	Ngân hàng Đông Á	5.858.600	-	-	-	-	120.000	5.188.600	-	-	550.000	-	

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền quản lý dạy học 2 buổi	Tiền quản lý dạy CLB Văn Thể Mỹ	Tiền quản lý dạy Tin học tự chọn	Tiền quản lý dạy Kỹ năng sống	Tiền hỗ trợ, giảng dạy học 2 buổi	Tiền phục vụ bán trú	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Compa	Tiền hỗ trợ, giảng dạy CLB Văn Thể Mỹ	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Tin học tự chọn	Tiền hỗ trợ, giảng dạy Kỹ năng sống	
(1)	(2)	(3)		(4)	(9)										(12)
					(9.1)	(9.2)	(9.3)	(9.4)	(9.5)	(9.6)	(9.7)	(9.8)	(9.9)	(9.10)	
5	HỒ THỊ KIM THỊ	0101023639	Ngân hàng Đông Á	5.558.600	-	-	-	-	120.000	5.188.600	-	-	250.000	-	
6	NGÔ HỒNG YẾN	0107052610	Ngân hàng Đông Á	4.958.600	-	-	-	-	-	4.958.600	-	-	-	-	
7	NGUYỄN THỊ DUNG	0108323397	Ngân hàng Đông Á	4.558.600	-	-	-	-	-	4.558.600	-	-	-	-	
8	TRẦN THỊ THANH MAI	0111129167	Ngân hàng Đông Á	4.558.600	-	-	-	-	-	4.558.600	-	-	-	-	
9	HUỲNH THỊ THU VÂN	0106346123	Ngân hàng Đông Á	4.558.600	-	-	-	-	-	4.558.600	-	-	-	-	
10	BÙI THỊ MAI	0101562688	Ngân hàng Đông Á	5.200.000	-	-	-	-	-	5.200.000	-	-	-	-	

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Giảm 140 000 đồng do tháng 05 số tiết dạy tin học ít hơn tháng 04.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày 28 tháng 05 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUẬN
Phạm Huy Tuấn

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện